

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5449/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6020/SXD-QH ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị

trần Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 28/07/2022 của UBND huyện Quan Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Trung Thượng, xã Nam Động - huyện Quan Hóa;
- Phía Nam giáp xã Tam Lư, xã Tam Thanh;
- Phía Đông giáp xã Sơn Hà;
- Phía Tây giáp xã Sơn Điện.

2. Tính chất, chức năng

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện Quan Sơn;
- Là đầu mối dịch vụ thương mại tổng hợp, du lịch của huyện Quan Sơn và vùng phụ cận.

3. Quy mô

3.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng năm 2021 khoảng 5.585 người;
- Dự báo đến năm 2030 khoảng 8.500 người; đến năm 2035 khoảng 10.000 người.

3.2. Quy mô đất đai: Diện tích lập quy hoạch: 5.408,55 ha.

4. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được

4.1. Chỉ tiêu đất đai

- Đất dân dụng đô thị phát triển mới: 40,67 ha, đạt chỉ tiêu 92,12m²/người.
- Đất đơn vị ở phát triển mới: 22,0 ha, đạt chỉ tiêu 49,83m²/người.

- Đất công cộng đô thị: 6,13 ha; đạt chỉ tiêu 6,13 m²/người.
- Đất cây xanh đô thị: 4,24 ha, đạt chỉ tiêu 4,24 m²/người.

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Đất giao thông tính đến đường phân khu vực: 48,7% đất XD đô thị.
- Chỉ tiêu điện năng: 1.000-1500KWh/người/năm; phụ tải 330W/người.
- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người – ngày đêm.
- Thoát nước thải : Tối thiểu 80 % nước cấp (trừ nước rò rỉ, dự phòng, tưới cây, rửa đường, nước sử dụng tại nhà máy sử lý nước).
- Chất thải rắn : 1,0kg/ng/ngày, đêm.
- Thu gom xử lý : 100% chất thải.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị

Thị trấn Sơn Lư phát triển trên cơ sở các không gian chủ đạo gồm:

- Trục Quốc lộ 217 nối từ Khu kinh tế Nghi Sơn - Cảng hàng không Quốc tế Thọ Xuân đi Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo; Quốc lộ 16 là trục kinh tế quan trọng, cùng với QL15 kết nối các huyện miền núi phía Tây của tỉnh Thanh Hóa và khu vực các tỉnh Tây Bắc Bộ; đường Trung Thượng - Sơn Lư nối từ xã Trung Thượng đi QL16, thị trấn Sơn Lư phía hữu ngạn sông Lò.

- Hệ thống sông suối (như sông Lò, suối Tuóp, suối Bìn, suối Hao...), hang động (như động Năng Non) và khu vực ruộng bậc thang, hồ thủy điện Sơn Lư (sau khi dự án nhà máy thủy điện Sơn Lư được đầu tư hoàn thành); nhà sàn các dân tộc... là cơ sở để hình thành các điểm du lịch tham quan, trải nghiệm, du lịch cộng đồng.

- Phát triển, cải tạo hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

6. Quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn

TT	Loại đất	Ký hiệu	Đến năm 2030		Đến năm 2035	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị		567,07	10,5	677,46	12,5
I	Đất dân dụng hiện trạng		163,56	3,0	163,56	3,0
1	Đất ở hiện trạng cải tạo, xen cư	HT	86,88		86,88	
2	Đất giao thông hiện trạng		76,68		76,68	1,4

II	Đất dân dụng mới		26,98		40,67	0,8
1	Đất đơn vị ở mới		13,41	0,25	22,00	0,41
a	Đất đơn vị ở	DCM	8,36		16,95	
b	Đất tái định cư (theo đề án sắp xếp, ổn định dân cư bị ảnh hưởng thiên tai)	DCM-04	5,05		5,05	
2	Đất công cộng		6,13	0,11	6,13	0,11
2.1	Đất cơ quan hành chính	HC	0,73		0,73	
2.2	Đất công trình văn hóa	VH	1,31		1,31	
2.3	Đất trạm y tế	YT	0,23		0,23	
2.4	Đất giáo dục	GD	3,86		3,86	
4	Đất công viên cây xanh đô thị	CVCX	4,24	0,08	4,24	0,08
5	Đất giao thông		3,20		8,30	0,15
III	Đất ngoài dân dụng		376,53	7,0	473,23	8,8
1	Đất công cộng	HC, CQ	8,82	0,16	10,54	0,20
1.1	Đất hành chính	HC1	1,00		1,00	
1.2	Đất công cộng, cơ quan trụ sở doanh nghiệp	CQ, CC	7,43		9,15	
1.3	Đất chợ	C	0,39		0,39	
2	Đất trung tâm giáo dục, PTHH	GD	4,34	0,08	4,34	0,08
3	Đất bệnh viện	BV	1,48	0,03	1,48	0,03
4	Đất du lịch	DL	5,91	0,11	5,91	0,11
5	Đất khai thác VLXD	TTCN	8,16	0,15	8,16	0,15
6	Đất dịch vụ thương mại	TM	2,74	0,05	9,89	0,18
7	Đất di tích, tín ngưỡng, tôn giáo	DT	4,73	0,09	4,73	0,09
8	Đất quân sự	QS	52,68		52,68	0,98
9	Đất công trình đầu mối HTKT		44,03	0,82	44,03	0,82
9.1	Đất bến xe	BX	0,49		0,49	
9.2	Đất bãi đỗ xe	P	2,52		2,52	
9.3	Đất trạm xử lý nước thải	XLNT	1,00		1,00	
9.4	Khu xử lý chất thải rắn	R	1,00		1,00	
9.5	Nghĩa trang	NT	5,02		5,02	
9.6	Đất thủy điện	NMTĐ, TĐ	34,00		34,00	
-	Nhà máy thủy điện	NMTĐ	3,50		3,50	
-	Hồ thủy điện	TĐ	30,50		30,50	
10	Đất cây xanh, TDTT		88,03	1,63	88,03	1,63
10.1	Đất văn hóa - TDTT	TDTT	4,15		4,15	
10.2	Đất cây xanh cảnh quan	CXCQ	88,03		88,03	
III	Đất giao thông		155,61	2,9	243,44	4,5
B	Đất khác		4834,49	89,5	4724,10	87,5
I	Đất sản xuất nông nghiệp	SXNN	80,50	1,49	69,50	1,29
II	Đất sông, suối		71,57	1,3	71,57	1,3
III	Đất rừng phòng hộ	CNC	444,51	8,23	444,51	8,23
IV	Đất rừng sản xuất		4237,91	78,5	4138,52	76,6
	Tổng diện tích khu đất		5401,56	100,0	5401,56	100,0

6.2. Phân khu chức năng

6.2.1. Khu Hành chính - Chính trị

- Khu hành chính - Chính trị cấp huyện: Trên cơ sở các khu cơ quan, hành chính hiện hữu giữ nguyên vị trí hiện nay đồng thời cải tạo mở rộng quy mô cho phù hợp.

- Khu Công sở thị trấn: Công sở của thị trấn được cải tạo và chỉnh trang tại khu phố Păng.

- Các công trình khác được giữ nguyên vị trí, cải tạo về kiến trúc cảnh quan, tạo bộ mặt đô thị.

6.2.2. Khu thương mại, dịch vụ và chợ

- Giữ nguyên vị trí một số cơ sở dịch vụ thương mại hiện có của thị trấn và bố trí 03 khu dịch vụ thương mại mới, gồm: (1) khu dịch vụ thương mại gắn với khu chùa Viên Quang; (2) khu dịch vụ thương mại gắn với điểm du lịch động Năng Non và (3) khu dịch vụ thương mại tại khu Bìn (khu vực phía Tây thị trấn).

- Hiện nay công an huyện đã di chuyển về khu đất mới tại phố Păng, trên đường QL16. Đối với khu đất công an (cũ) nằm tại khu phố 4 trên đường QL217 chuyển thành đất dịch vụ thương mại.

- Xây dựng, cải tạo mở rộng chợ thị trấn Sơn Lư là chợ hạng 2. Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật chợ.

6.2.3. Đất đơn vị ở

- Đất đơn vị ở hiện trạng, cải tạo: Tổng diện tích khoảng 86,88 ha. Từng bước cải tạo chỉnh trang đồng bộ về hạng tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng sống cộng đồng dân cư.

- Xây dựng các khu dân cư mới tập trung tại khu phố Păng, phố Bon, phố Bìn. Diện tích đất đơn vị ở mới khoảng 22,0ha. Gồm:

+ Xây dựng khu dân cư Piềng Thín thuộc khu Bon là khu tái định cư cho 148 hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai (trong đó bao gồm 114 hộ dân theo Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi, giai đoạn 2021 - 2025 và 34 hộ dân khác bị ảnh hưởng), diện tích khoảng 5,05ha;

+ Khu dân cư mới diện tích khoảng: 16,95ha.

Hình thức kiến trúc các công trình nhà ở dân cư, tái định cư mới theo mô hình nhà ở truyền thống, sinh thái kết hợp du lịch.

6.2.4. Khu giáo dục đào tạo

- Di chuyển trường tiểu học thị trấn tại bản Păng thị trấn Sơn Lư đến nơi mới và nhường đất lại cho trường trung học và trường mầm non thị trấn Sơn Lư.

- Nâng cấp mở rộng trường THPT bán trú.

- Các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn cơ bản ổn định, cải tạo.

6.2.5. Đất y tế

- Mở rộng khu vực bệnh viện đa khoa huyện, đến năm 2030 là 250 giường. Sau năm 2030 đến năm 2045 nâng cấp quy mô lên 300 giường.

- Giữ nguyên vị trí trạm Y tế thị trấn (gần km39), cải tạo nâng cấp đảm bảo quy mô phục vụ.

6.2.6. Đất văn hóa - thể dục thể thao

- Các khu trung tâm văn hóa thị trấn, nhà văn hóa, khu đài tưởng niệm liệt sỹ... tiếp tục duy trì quy mô hiện tại, không thay đổi.

- Khu nhà thi đấu: Được bố trí tại khu vực bờ Đông sông Lò cải tạo mở rộng.

- Bố trí 01 khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao thị trấn mới nằm tại phía Bắc km39 - QL217, khu đất thuộc phố Păng.

6.2.7. Khu tôn giáo: Bố trí xây dựng công trình chùa Viên Quang đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của dân cư đô thị.

6.2.8. Đất khai thác vật liệu xây dựng: Giữ nguyên vị trí, quy hoạch để quản lý các khu vực hiện nay đang sản xuất vật liệu xây dựng như nhà máy gạch Tiên Loan, khai thác đá.

6.2.9. Đất du lịch: Định hướng quy hoạch 01 điểm du lịch Động Năng Non kết hợp điểm du lịch tham quan hồ thủy điện Sơn Lư.

6.2.10. Khu công viên, cây xanh cảnh quan

- Bố trí 01 khu công viên cây xanh tại vị trí đơn vị ở trung tâm, đảm bảo chỉ tiêu phục vụ của cộng đồng dân cư.

- Phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan bờ sông Lò.
- Các khu nghĩa địa hiện hữu dài dặc trong khu đô thị từng bước được đóng cửa, từng bước cải tạo thành công viên tâm linh.
- Hệ thống không gian mở: Là các khu vực không gian công cộng, các không gian mở sông, suối cảnh quan, đặc biệt là không gian cây xanh tập trung là những không gian mở cho đô thị.

6.2.11. An Ninh Quốc phòng: Trong khu vực lập quy hoạch có 03 khu đất Quốc phòng nằm tại khu 4, khu 5, và phía Tây Nam khu phố Sỏi. Là các khu đất huyện đội, cụm Quân báo và khu căn cứ chiến đấu của Ban chỉ huy Quân sự huyện. Đối với các khu vực lân cận khuyến cáo không xây dựng các công trình cao tầng để phục vụ mục đích quốc phòng an ninh.

6.2.12. Khu đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ: Bảo tồn đất rừng phòng hộ. Khai thác, sử dụng tiết kiệm, bền vững có hiệu quả đất rừng sản xuất, bảo vệ hệ sinh thái rừng, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

Toàn bộ hệ thống đường chính trong khu vực quy hoạch đều xây dựng bám theo địa hình tự nhiên, giảm khối lượng đào đắp tránh ảnh hưởng đến sự ổn định mái dốc cũng như cảnh quan khu vực tuyến đường đi qua.

Đối với khu vực từ cầu Phà Lò đến cầu Quan Sơn cao độ nền trung bình khoảng 135m, hướng dốc nền về phía sông Lò.

Đối với khu vực từ cầu Quan Sơn đến cầu Suối Tuóp cao độ nền trung bình khoảng 155m, hướng dốc nền về phía sông Lò và suối Tuóp.

Đối với khu vực từ cầu Suối Tuóp đến cầu Bìn cao độ nền trung bình khoảng 180m, hướng dốc nền về phía suối Tuóp.

Đối với khu vực phố Sỏi, phố Bìn cao độ nền trung bình khoảng 260m, hướng dốc nền về phía suối Sỏi và suối Tuóp.

Trên cơ sở các đoạn kè đá và các đoạn taluy phía sông Lò, xây dựng hệ thống kè đá hai bên sông Lò. Quy mô tuyến kè thay đổi tùy theo cốt địa hình từng khu vực tuyến đi qua.

b) Thoát nước mưa: Tuân thủ địa hình tự nhiên, các tuyến thoát nước thoát theo địa hình tự nhiên. Thông qua hệ thống thoát nước mưa của khu vực đổ xuống suối Tuốp, sông Lò.

7.2. Quy hoạch phòng chống thiên tai

Di dời và bố trí tái định cư cho các hộ dân vùng có nguy cơ bị lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn, bao gồm các hộ dân dọc sông Lò và các khu vực sườn núi có nguy cơ bị sạt lở (có 13 vị trí tại các Khu Păng, khu Hao, khu Hẹ, khu Sỏi, khu Bìn, Khu 1, khu 2, khu 3, khu 5). Khu vực bố trí là khu tái định cư Piêng Thín nằm tại khu phố Bon.

7.3. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Mở rộng tuyến Quốc lộ 217 làm trục giao thông chính chạy dọc khu vực quy hoạch. Quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 12,0m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ = 18,0m.

- Tuyến QL16: quy mô mặt cắt ngang đoạn từ giao với Quốc lộ 217 đến cầu Quan Sơn (MCN 2-2): lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ = 13,5m. Mở rộng đoạn từ cầu Quan Sơn đến hết ranh giới quy hoạch với quy mô mặt cắt ngang (MCN 3-3): lòng đường 10,5m; vỉa hè 2x4,0m; CGĐĐ = 18,5m.

- Tuyến đường Trung Thượng - Sơn Lư kéo dài, mở rộng, với quy mô mặt cắt ngang (MCN 1-1): lòng đường 12,0m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ=18,0m.

- Xây dựng mới đường giao thông nội vùng thị trấn Sơn Lư (MCN 2-2): lòng đường 7,5m; vỉa hè 2x3,0m; CGĐĐ = 13,5m.

b) Giao thông đối nội:

- Trên cơ sở bộ khung là các tuyến giao thông chính ở trên và theo địa hình hiện trạng, xây dựng các tuyến đường nội bộ các khu vực dân cư với quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 5,5m-7,5m; lề đường - vỉa hè mỗi bên từ 1,5m-4,0m.

- Xây dựng hệ thống cầu qua sông Lò với quy mô phù hợp với quy mô mặt cắt ngang các tuyến đường kết nối; Bổ sung 01 Cầu Cứng mới qua sông Lò (tại khu phố 2, khu phố 3), nối từ Quốc lộ 217 với đường Trung Thượng – Sơn Lư.

c) Giao thông tĩnh, giao thông công cộng

- Giữ nguyên vị trí bến xe khách tại khu 5 thị trấn Sơn Lư.

- Bố trí 02 bãi đỗ xe được xây dựng kết hợp với các khu vực chức năng là khu chùa Viên Quang và khu tham qua hồ thủy điện Sơn Lư có tổng diện tích khoảng 2,52ha.

7.4. Quy hoạch cấp điện

Nhu cầu sử dụng điện của đô thị: Đến năm 2030 khoảng 6 MVA, Đến năm 2035 khoảng: 8MVA.

- Nguồn điện, trạm biến áp:

+ Giai đoạn 2021-2024: huyện Quan Sơn nói chung và Thị trấn Sơn Lư nói riêng được cấp điện từ trạm 110kV Bá Thước thông qua đường dây 35kV lộ 371E9.12; Giai đoạn sau năm 2024, nguồn cấp điện cho Thị trấn Sơn Lư từ nguồn Trạm 110/35kV Quan Sơn và các trạm thủy điện trên địa bàn huyện theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035;

+ Xây dựng mới nhà máy thủy điện Sơn Lư 7MW theo quy hoạch ngành đã xác định và đấu nối lên đường dây 35kV hiện có.

- Trạm biến áp:

+ Cấp điện áp của các trạm biến áp phân phối được lựa chọn phát triển lưới điện là 35/0,4kV;

+ Các trạm trong biến áp phụ tải của từng doanh nghiệp tham gia vào cụm công nghiệp do bản thân doanh nghiệp đầu tư và lựa chọn công suất.

7.5. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Nhu cầu dịch vụ viễn thông của thị trấn Sơn Lư là khoảng 2.600 đường dây thuê bao.

- Tiếp tục duy trì nâng cấp khung trang các điểm BĐ-VH hiện có đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ các cấp Chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân trên địa bàn.

- Toàn bộ mạng truyền dẫn sử dụng cáp quang băng rộng.

7.6. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Nhu cầu cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước cho thị trấn Sơn Lư và xã Sơn Hà, Trung Thượng đến năm 2030 là 2.300m³/ngày.đêm. Trong đó: Nhu cầu cấp nước riêng thị trấn Sơn Lư là 1.900m³/ngày.đêm; xã Sơn Hà, Trung Thượng là 400m³/ngày.đêm.

- Nhu cầu cấp nước cho thị trấn Sơn Lư và xã Sơn Hà, Trung Thượng đến năm 2035 là 3.100 m³/ngày.đêm. Trong đó: Nhu cầu cấp nước riêng thị trấn Sơn Lư là 2.300 m³/ngày.đêm; xã Sơn Hà, Trung Thượng là 800m³/ngày.đêm.

b) Nhà máy cấp nước: Xây dựng nhà máy cấp nước thị trấn Sơn Lư công suất là 2.000m³/ng.đêm (giai đoạn đầu) tại xã Sơn Hà, đảm bảo cấp nước cho thị trấn Sơn Lư và các xã Sơn Hà, Trung Thượng (theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn đến năm 2045); giai đoạn sau nâng công suất lên 3.100m³/ng.đêm.

c) Nguồn nước: Trong giai đoạn trước nguồn nước cấp cho thị trấn Sơn Lư được lấy từ sông Lò và các suối. Giai đoạn sau khi dự án nhà máy thủy điện đầu tư hoàn thành sẽ sử dụng nguồn nước thô lấy từ đập thủy điện Sơn Lư.

d) Mạng lưới tuyến ống chính cấp nước trong khu vực: Sử dụng mạng lưới ống cấp nước chính bằng các mạng vòng, mạng cụt đảm bảo cấp cho khu vực.

e) Hệ thống cứu hỏa: Lắp đặt các họng cứu hỏa trên các tuyến giao thông chính tiếp cận các công trình phòng hỏa, bán kính phục vụ cứu hỏa 150m, ống cứu hỏa áp lực thấp D110-D200.

7.7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Lượng nước thải phát sinh của đô thị giai đoạn đến năm 2035, với công suất thu gom $Q = 1.700 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$.

- Trạm xử lý nước thải: Bố trí 01 trạm xử lý nước thải, đặt tại phía Đông thị trấn Sơn Lư (Đối diện với khu đài tưởng niệm liệt sỹ, trường Tiểu học và THCS thị trấn).

b) Chất thải rắn: Lượng rác thải của toàn thị trấn giai đoạn 2035: $P = 10,5 \text{ tấn/ngày}$; Rác cuối ngày được thu gom và chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung tại phía Nam thị trấn, thuộc khu phố Păng.

c) Nghĩa trang

Dự kiến xây dựng 02 khu nghĩa trang nhân dân mới, gồm:

- Khu nghĩa trang 1 của thị trấn tại khu phố Păng, phía Tây QL16.
- Khu nghĩa trang cấp huyện tại khu phố 5 thị trấn. Giai đoạn đến năm 2035 là 2,44ha; sau năm 2035 đến năm 2045 mở rộng diện tích lên khoảng 10ha (theo định hướng của quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn đến năm 2045).

Đối với các khu nghĩa địa hiện có, UBND huyện lập kế hoạch, thời gian dần dần đóng cửa. Từng bước cải tạo thành công viên tâm linh.

8. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước biển ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư

TT	Danh mục các chương trình, dự án đầu tư xây dựng	Địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô	Nguồn vốn thực hiện
A	Giai đoạn năm 2021-2030			
I	Công trình văn hóa - thể dục thể thao, Công viên cây xanh	Phố Păng	3,0 ha	Ngân sách huyện
II	Khu nhà ở			
1	Đầu tư khu dân cư phố Păng	Phố Păng	11,23 ha	Ngân sách huyện
2	Đầu tư khu dân cư phố Bon	Phố Bon	5,05 ha	Ngân sách tỉnh
III	Điểm du lịch Động Năng Non	Phố Bon	5,0 ha	xã hội hóa
IV	Đầu tư Chợ thị trấn	Phố 4	0,39ha	

TT	Danh mục các chương trình, dự án đầu tư xây dựng	Địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô	Nguồn vốn thực hiện
V	Nhà hợp khối Huyện ủy-HĐND-UBND huyện	Phố 4	1,0ha	Ngân sách tỉnh
VI	Trung tâm thương mại	Phố Păng	1,95ha	xã hội hóa
VII	Công trình HTKT đô thị	11 phố		Ngân sách và xã hội hóa
1	<i>Hệ thống giao thông đầu tư</i>			
2	<i>Cải tạo nâng cấp QL217</i>		16,1km	Ngân sách tỉnh
3	<i>Cải tạo nâng cấp QL16</i>		1,45km	Ngân sách tỉnh
4	<i>Cải tạo đường tuần tra cơ động kết hợp kinh tế - xã hội từ Km 42-QL217 đi mốc biên giới H5</i>		1,12km	Ngân sách tỉnh
5	<i>Các tuyến liên phố</i>		10,2km	Ngân sách
6	<i>Hệ thống điện, cấp nước, thoát nước</i>			Ngân sách
7	<i>Công trình nhà máy nước sạch</i>			Ngân sách và xã hội hóa
8	<i>Công trình hạ tầng khác</i>			Ngân sách
9	<i>Rác thải, nghĩa trang</i>			Ngân sách
B	Giai đoạn năm 2030-2035			
I	Đầu tư hoàn chỉnh các công trình công cộng, dịch vụ đô thị			Ngân sách và xã hội hóa
II	Đầu tư hoàn thiện đồng bộ các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội			Ngân sách và xã hội hóa

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Quan Sơn có trách nhiệm:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất bản, đóng dấu trước khi công bố quy hoạch và lưu trữ theo quy định.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch được duyệt trong thời gian 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương và các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ, thực hiện đầu tư quỹ đất theo quy hoạch được phê duyệt.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các Sở, ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H1.(2022)QDPD QHC TT Sơn Lu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn